

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2025/DS-PT

Ngày: 14-7-2025

V/v “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiên Phương

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 16 tháng 4 năm 2025 và ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh (Trước ngày 01/7/2025 là Tòa án nhân dân tỉnh Long An) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 30 tháng 08 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) bị kháng cáo và có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2025/QĐ-PT ngày 26/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 230/2025/QĐ-PT ngày 18/3/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 26/2025/QĐPT-DS ngày 09/4/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 26/2025/QĐPT-DS ngày 16/4/2025 và Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 30/TB-TA ngày 03/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lý Vĩnh H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số H T, tổ E, khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. (Nay là số 89 T, tổ E, khu phố A, xã C, tỉnh Tây Ninh) (Có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số F N, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (Nay là số F N, Phường L, tỉnh Tây Ninh) (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1 là Luật sư Nguyễn Văn G – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn G thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (Trước đây là Đoàn luật sư tỉnh Long An) (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lý Quốc B, sinh năm 2001; Địa chỉ: Số F N, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (Nay là số F N, Phường L, tỉnh Tây Ninh) (Có mặt)

2. Văn phòng C2; Địa chỉ: Số A L, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (Nay là số A L, Phường L, tỉnh Tây Ninh)

- Người đại diện hợp pháp của Văn phòng C2 là: ông Phạm Quốc T – Trưởng văn phòng đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt)

3. Bà Trần Tuyết T1, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số G N, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (Nay là số G N, Phường L, tỉnh Tây Ninh) (Có mặt)

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Thu H1 ông Lý Quốc B.

- *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An. (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 30/5/2021, bà H1 hỏi bà T1 vay số tiền 420.000.000 đồng nhưng bà T1 không có tiền nên bà T1 mới kêu bà H1 hỏi vay ông H số tiền trên. Ngày 31/5/2021, bà H1 có hỏi H để vay số tiền 420.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 1,2%/tháng, thời gian vay 02 tháng. Bà H1 và ông B cùng đến nhà bà T1 gặp ông H để nhận tiền nhưng do ông H không đủ tiền nên ông H chỉ giao cho bà H1 số tiền là 410.000.000 đồng. Hai bên thống nhất lập “hợp đồng đặt cọc” cùng ngày 31/5/2021 để làm tin. Trong hợp đồng này ghi số tiền giao nhận là 420.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ giao có 410.000.000 đồng, số tiền 10.000.000 đồng được ghi nhận để sau này căn trừ lãi.

Sau khi mang hợp đồng đặt cọc về nhà, ông H đã làm thất lạc nên có đến đề

ngợi bà H1 viết lại giấy mới nhưng bà H1 không đồng ý, bà H1 yêu cầu ghi lãi 03 phân hay 05 phân và không chịu ghi lại giấy nợ.

Sau khi vay, bà H1 không thanh toán vốn vay và tiền lãi theo đúng thỏa thuận nên ông H khởi kiện yêu cầu bà H1 thanh toán vốn vay là 410.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,2%/tháng từ khi vay cho đến nay.

Ngay sau khi vay nợ, bà H1 dùng tiền vay để trả nợ vào Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh L phòng giao dịch B và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 420; TĐĐ số 02; tọa lạc tại Phường B, thành phố T, tỉnh Long An ra. Ngày 04/6/2021, bà Nguyễn Thị Thu H1 đã làm hợp đồng tặng cho tài sản duy nhất là quyền sử dụng đất nêu trên cho con ruột là ông Lý Quốc B làm tài sản riêng.

Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông H, ông H yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/6/2021 giữa bà H1 và ông B là vô hiệu do cố tình tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Thu H2 trình bày

Bà H1 xác định không có thỏa thuận đặt cọc với ông H, không có vay tiền của ông H và cũng không có ký tên vào hợp đồng đặt cọc ngày 31/5/2021.

Trong đoạn video ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà và ông H thể hiện không có đoạn ông H yêu cầu bà viết giấy đặt cọc như ông H đã ghi trong bản trình bày nên bà không đồng ý. Trong đoạn video có thể hiện ông H và bà H3 yêu cầu yêu cầu bà viết lại giấy là bà mượn 3 tháng mà ghi 2 tháng, bà có trả lời là bà đã viết rồi, giờ bắt viết 2-3 tháng là viết cái gì nên bà đã không đồng ý viết theo yêu cầu của ông H bà H3. Trong đoạn video cũng chỉ thể hiện ông H bà H3 yêu cầu bà viết lại giấy nhưng cũng không thể hiện là viết giấy có nội dung gì và giấy đó có liên quan gì đến nội dung vụ kiện mà ông H đang kiện bà hay không, nên bà không đồng ý.

Sau khi nghe đoạn clip, bà H1 có ý kiến như sau: việc ghi âm trong clip là không công khai, nội dung cuộc nói chuyện trong clip không thể hiện gì là bà H1 có quen biết, có thỏa thuận hay có liên quan gì với ông H; như vậy không liên quan gì đến nội dung vụ kiện mà ông H đang kiện bà H1. Bà H1 thừa nhận là bà H1 có làm thuê bán bánh mì ở chợ Phường 2, hàng ngày có tiếp xúc và nói chuyện với nhiều người nên có thể ai đó đã quay lén để gán ghép với nội dung ông H khởi kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Tuyết T1 trình bày:

Vào ngày 30/5/2021, bà H1 hỏi vay của bà số tiền 420.000.000 đồng nhưng

bà không có tiền nên bà mới kêu bà H1 hỏi vay ông H số tiền trên. Ông H có mượn của bà N số tiền 400.000.000 đồng để cho bà H1 mượn. Ngày 31/5/2021, bà H1 và ông B cùng đến nhà bà gặp ông H để nhận tiền nhưng ông H chỉ có 400.000.000 đồng, bà lấy thêm 10.000.000 đồng của bà để đưa cho H để giao cho bà H1. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 1.2%, thời gian vay 02 tháng, có lập “hợp đồng đặt cọc” cùng ngày 31/5/2021 để làm tin. Sau đó ông H đã làm thất lạc hợp đồng đặt cọc bản chính nên bà có cùng ông H đến đề nghị bà H1 viết lại giấy nợ mới nhưng bà H1 không chịu ghi lại.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Minh C trình bày: Do ông H không có tiền nên có mượn của bà N số tiền 400.000.000 đồng để cho bà H1 mượn.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn, bà Nguyễn Thị Thu H2 trình bày: Các đoạn video do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ gián tiếp nên đề nghị Hội đồng xét xử không lấy làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 30 tháng 08 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) đã xử (tóm tắt):

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 124, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Vĩnh H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lý Vĩnh H số tiền vốn vay 410.000.000 đồng và tiền lãi 191.880.000 đồng, tổng cộng là 601.880.000 đồng (Sáu trăm lẻ một triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/6/2021 giữa bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lý Quốc B tặng cho đối với Quyền sử dụng đất tại 420; TBĐ 09 tọa lạc Phường B, thành phố T, tỉnh Long An vô hiệu

4. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp” để đảm bảo thi hành án.

5. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 07/2021/QĐ-BPBD ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, ông Lý Vĩnh H được nhận lại tài sản bảo đảm là 200.000.000đ và tiền lãi phát sinh của tài khoản 68010002096783 tại Ngân hàng B1 - Chi nhánh L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí; quyền, thời hạn kháng cáo; quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án chưa có hiệu lực pháp luật:

Ngày 06/9/2024, bà Nguyễn Thị Thu H1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Vĩnh H.

Ngày 13/9/2024, ông Lý Quốc B kháng cáo kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Vĩnh H về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/6/2021 giữa bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lý Quốc B tặng cho đối với Quyền sử dụng đất tại 420, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

Ngày 13/9/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) kháng nghị Bản án sơ thẩm số 100/2024/DS-ST của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh), đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An. (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh)

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày: Đối với yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn thì chứng cứ nguyên đơn đưa ra là 03 đoạn video. Trong đó, có 02 đoạn videos được giám định và 01 đoạn video không giám định về nội dung cũng không thể hiện rõ có việc vay tiền giữa bà H1 và ông H rõ ràng và cụ thể như thế nào. Bà H1 cũng cung cấp được người làm chứng là ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Thị Thu Y là người đã trả tiền mượn và cho bà H1 mượn tiền để trả nợ cho Ngân hàng nên không có việc bà H1 vay tiền của ông H để trả nợ ngân hàng như nguyên đơn trình bày. Đối với bản chính hợp đồng đặt cọc ngày 31/5/2021 do ông H nộp tại phiên tòa phúc thẩm thì theo nội dung thể hiện có sự nhầm lẫn giữa người đặt cọc và người nhận cọc. Bà H1 cũng không thừa nhận có việc đặt cọc này. Bản chính hợp đồng đặt cọc và bản

photo hợp đồng đặt cọc có trong hồ sơ cũng không đủ cơ sở để xác định có việc bà H1 vay tiền, giao nhận tiền với ông H. Đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/6/2021 giữa bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lý Quốc B tặng cho đối với quyền sử dụng đất tại 420, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc Phường B, thành phố T, tỉnh Long An đã được công chứng hợp pháp và ông B cũng đã được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 420. Tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất, bà H1 không phải thi hành nghĩa vụ nào đối với ông H. Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) nhận định bà Hồng T2 cho quyền sử dụng đất cho ông B là nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H thay đổi không yêu cầu bà H1 trả tiền lãi thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày: Bà H1 không có vay tiền của ông H và không có ký hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng thửa đất 420, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại Phường B, thành phố T, tỉnh Long An với ông H. Quá trình giải quyết vụ án, ông H không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì liên quan đến việc bà H1 có vay tiền của ông H. Các đoạn clip do ông H cung cấp nội dung cũng không thể hiện việc bà H1 có vay tiền của ông H. Ông H cho rằng bà H1 vay tiền và có ký hợp đồng đặt cọc và cung cấp bản chính nhưng lại không đúng chủ thể người đặt cọc và nhận cọc. Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) căn cứ vào clip quay lại cuộc nói chuyện giữa bà H1 và ông H và bản sao kê việc bà H1 trả tiền cho Ngân hàng để xác định bà H1 có vay tiền của ông H và buộc bà H1 trả số tiền 410.000.000 đồng và tiền lãi là không khách quan, không đủ căn cứ. Đồng thời, bà H1 cũng không đồng ý Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất như lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà H1. Do đó, bà H1 đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu bà H1 phải trả cho ông H số tiền gốc 410.000.000 đồng và tiền lãi là 191.880.000 đồng và tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H1 với ông H đối với thửa đất số 420.

Ông Lý Quốc B trình bày: Thửa đất số 420, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Phường B, thành phố T, tỉnh Long An là tài sản của mẹ ông là bà Hồng T2 cho ông là đúng quy định của pháp luật và ông đã đăng ký sang tên vào ngày 10/6/2021. Thửa đất nêu trên bà H1 không có cầm cố, đặt cọc hay chuyển nhượng hay có liên quan gì đến yêu cầu khởi kiện của ông H. Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long

An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) tuyên vô hiệu hợp đồng tặng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H1 và ông B và tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với quyền sử dụng đất đối với thửa đất 420 là không có căn cứ. Ông B xác định không có yêu cầu gì đối với việc giải quyết hậu quả của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất bị tuyên vô hiệu. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm tuyên hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với quyền sử dụng đất đối với thửa đất 420 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) đã ban hành.

Ông Lý Vĩnh H trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H đề nghị được thay đổi không yêu cầu bà H1 trả số tiền lãi là 191.880.000 đồng trong vụ án này. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1 và ông B.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T3 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Quốc B; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng nghị, kháng cáo:

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) căn cứ vào 03 đoạn videos mà nguyên đơn cung cấp thì không đủ cơ sở xác định có việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có cung cấp được bản chính hợp đồng đặt cọc ngày 31/5/2021. Mặc dù hợp đồng đặt cọc này có sự nhầm lẫn về chủ thể đặt cọc và nhận cọc nhưng bản chất nhưng không làm thay đổi bản chất của sự việc. Kết luận giám định của của Phân V khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký và chữ ghi tên Nguyễn Thị Thu H1 hợp đồng đặt cọc này là chữ viết và chữ ký tên của bà H1. Điều đó chứng tỏ có sự việc cho vay tiền giữa ông H và bà H1 với số tiền là 410.000.000 đồng thể hiện qua hợp đồng đặt cọc ngày 31/5/2025 như lời trình bày của ông H.

Đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/6/2021 giữa bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lý Quốc B tặng cho đối với quyền sử dụng đất tại 420, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Nhận thấy, quyền sử dụng đất tại thửa số 420 là tài sản duy nhất của bà H1. Sau khi vay tiền của ông H, có phát sinh nghĩa vụ với ông H nhưng không thừa nhận thì bà H1 đã

trả nợ số tiền đã vay tại Ngân hàng P – Chi nhánh L, phòng G1. Sau đó lại tặng cho quyền sử dụng đất cho ông B đối với thửa đất số 420 là có hành vi xác lập giao dịch giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba nên có cơ sở tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/6/2021 nêu trên là vô hiệu theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông H không yêu cầu bà H1 trả tiền lãi với số tiền là 191.880.000 đồng.

Do vậy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh xin rút lại toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh). Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà H1 về việc không phải trả tiền lãi cho ông H; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Quốc B thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị rút lại toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh). Căn cứ vào Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh).

[3] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: Văn phòng C2 có đơn xin xét xử vắng mặt và thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[4] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông Lý Quốc B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cải sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Vĩnh H. Căn cứ theo Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung bản án sơ thẩm có kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[5] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “**Tranh chấp hợp đồng đặt cọc, hợp đồng dân sự vay tài sản, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất**” là chưa chính xác. Cụ thể: Theo đơn khởi kiện ban đầu và đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền cọc và phạt cọc, tranh chấp vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bị đơn. Tại đơn khởi ngày 03/12/2021, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền cọc và phạt cọc sang thành yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay là 420.000.000 đồng và Tòa cấp sơ thẩm đã ra thông báo thụ lý về việc sửa đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, số tiền tạm ứng án phí của yêu cầu tranh chấp đặt cọc chuyển sang tạm ứng án phí cho yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do vậy cần xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”. Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[6] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay là 410.000.000 đồng, không yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 191.880.000 đồng trong vụ án này; yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất 420 giữa bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lý Quốc B. Bị đơn xác định không có vay tiền của nguyên đơn, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Lý Quốc B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

[7] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Lý Vĩnh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7.1] Đối với yêu cầu bà H1 trả số tiền vay 410.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi 191.880.000 đồng của ông H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không yêu cầu bà H1 trả tiền lãi là 191.880.000 đồng trong vụ án này. Ông H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả số tiền vay vào ngày 31/5/2021 với số tiền 410.000.000 đồng là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, chứng cứ mà ông H đưa ra là 02 đoạn video được giám định tại Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và 01 video được bà H1 xác định đúng người trong đoạn video và giọng nói của bà H1. Do vậy, các chứng cứ này được xem là chứng cứ theo quy định tại Điều 93, Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo đó, nội dung tại đoạn video có thời lượng 01 phút 21 giây xác định như sau:

Tại 00 phút 35 giây xác định bà T1 trình bày: Bây giờ nè, hỏi nó mấy tháng nay nó có đưa chị không;

Tại 00 phút 39 giây xác định bà H1 trình bày: Không phải, thằng H nó mới nói với nó;

Tại 00 phút 43 giây bà H1 trình bày: Nè bữa hôm nó nói nè nghe, đúng hông? Đưa bốn trăm một có phân hai.

Tại 00 phút 52 giây ông H trình bày: Lúc trước cô mượn tiền con, đúng hông Cô lại nhà con; Bà H1 trả lời: Đúng rồi; Ông H trả lời: con chưa bao giờ dễ dàng với cô như vậy. Cô chỉ viết thôi, thằng T4 ngồi đó, con nói với cô nè, cô chỉ nói là bây giờ cô vay đó, một triệu vay ngày ba ngàn; Tại 01 phút 03 giây xác định bà H1 trình bày: Nó nói nó vay một tuần.

[7.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cung cấp bản chính giấy đặt cọc ngày 31/5/2021 thể hiện có việc đặt cọc để chuyển nhượng thửa đất 420 của bà H1 dù có nhầm lẫn chủ thể đặt cọc, nhận cọc nhưng không làm thay đổi bản chất của sự việc. Bà H1 khẳng định không có vay tiền của ông H, không có đặt cọc mua bán thửa đất 420 với ông H. Tuy nhiên, tại kết luận giám định số 266/KL-KTHS ngày 27/6/2025 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký và chữ ghi tên Nguyễn Thị Thu H1 trong giấy đặt cọc ngày 31/5/2021 (tài liệu cần giám định) so với chữ ký mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Mặt khác, từ nội dung đoạn đối thoại qua lại giữa ông H, bà H1, bà T1 nêu trên thì có nội dung bà H1 có thừa nhận việc vay tiền. Điều đó chứng tỏ, có sự việc ông H cho bà H1 vay tiền thể hiện bằng giấy đặt cọc ngày 31/5/2025. Nội dung tình tiết này phù hợp với lời trình bày của ông H và bà T1 về hợp đồng vay. Mặt khác tại

thời điểm ngày 31/5/2021, bà Nguyễn Thị Thu H1 đã tắt toán đối với khoản vay tại Ngân hàng P – Chi nhánh L, phòng G1 với số tiền tắt toán có giá trị là 420.726.145 đồng tương đương với số nợ vay từ ông H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 mới cung cấp 02 người làm chứng là ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Thị Thu Y đều là anh chị em ruột của bà H1 để xác nhận nguồn tiền bà H1 sử dụng để tắt toán số nợ nêu trên tại Ngân hàng do bà Hồng M của ông A và bà Y trả nợ cho bà H1 là không khách quan. Như vậy, có căn cứ xác định bà H1 có vay ông H số tiền 410.000.000đ vào ngày 31/5/2021 và chưa thanh toán trả lại cho ông H trong thời hạn như lời trình bày của ông H.

[7.3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lý Quốc B về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/6/2021, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quyền sử dụng đất tại 420, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc Phường B, thành phố T và tài sản gắn liền với đất là tài sản duy nhất của bà H1. Bà H1 đã thế chấp quyền sử dụng đất này để vay số tiền 400.000.000 đồng tại Ngân hàng P – Chi nhánh L, phòng G1 và đã quá hạn thanh toán. Bà H1 vay tiền của ông Lý Vĩnh H như đã phân tích tại đoạn [7.1] để tắt toán khoản vay này. Nhưng sau khi vay tiền, bà H1 không thừa nhận hợp đồng vay, tiến hành tặng cho quyền sử dụng đất này cho ông Lý Quốc B. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 cũng xác định ngoài thửa đất 420 thì bà H1 không còn quyền sử dụng đất hay tài sản nào khác. Điều đó thể hiện rõ việc bà H1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với ông Lý Quốc B đối với thửa đất 420 là giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ với ông H. Căn cứ vào Điều 124 Bộ luật Dân sự có cơ sở tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất này là vô hiệu. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H1 và ông H vô hiệu nhưng không tuyên quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất để được đi đăng ký kê khai là thiếu sót nên Hội đồng xét xử bổ sung cho phù hợp và để đảm bảo trong giai đoạn thi hành án sau này.

[8] Từ những phân tích tại các đoạn [6], [7], [7.1], [7.2] và [7.3], Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu bà H1 trả tiền vay 410.000.000 đồng và yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho giữa bà H1 và ông B đối với thửa đất 420 là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không yêu cầu bà H1 trả tiền lãi là 191.880.000 đồng trong vụ án này nên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H1 về việc không trả số tiền lãi nêu trên cho ông H. Bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Lý Quốc B kháng cáo

không chấp nhận yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/6/2021 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[9] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh), nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc cấm chuyển dịch quyền về tài sản đang tranh chấp. Do vậy, tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) về việc “cấm chuyển dịch quyền về tài sản” của ông Lý Quốc B đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Phường B, thành phố T, tỉnh Long An để đảm bảo cho việc thi hành án. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) trong phần quyết định đã tuyên Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 07/2021/QĐ-BPBD ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, ông Lý Vĩnh H được nhận lại tài sản bảo đảm là 200.000.000đ và tiền lãi phát sinh của tài khoản 68010002096783 tại Ngân hàng B1 - Chi nhánh L là chưa đúng theo quy định tại Điều 19 của Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 29/4/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử sửa lại phần cách tuyên này cho phù hợp.

[10] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Lý Quốc B phải chịu là 4.000.000 đồng. Ông Lý Vĩnh H đã nộp tạm ứng nên bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Lý Quốc B phải nộp 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) để hoàn lại cho ông Lý Vĩnh H. Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh) xử lý chi phí tố tụng này là phù hợp với quy định tại Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết tại giai đoạn phúc thẩm là 4.211.000 đồng: Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận và đã chi tạm ứng xong nên buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả lại tiền chi phí giám định cho ông Lý Vĩnh H là 4.211.000 đồng theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại và quyết định như sau:

[12.1] Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.400.000 đồng tính trên số tiền 410.000.000 đồng của ông H được chấp nhận và chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông H được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tổng cộng án phí mà bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu là 20.700.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước

[12.2] Hoàn trả cho ông Lý Vĩnh H tổng cộng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.900.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng) lần lượt theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001005 ngày 15/10/2021 và số 0001033 ngày 27/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm:

[13.1] Do kháng cáo của bà H1 được chấp nhận một phần nên bà H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[13.2] Do kháng cáo của ông B không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Xét lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H1 là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[15] Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân tỉnh T là có căn cứ phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Thu H1.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Quốc B.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 30 tháng 08 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh).

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273, Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 124, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Vĩnh H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả số tiền nợ vay là 410.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Lý Vĩnh H số tiền nợ vay là 410.000.000 đồng (Bốn trăm mười triệu đồng). Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Vĩnh H về việc yêu cầu vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/6/2021 giữa bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lý Quốc B đối với quyền sử dụng đất tại 420, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

3.1 Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/6/2021 giữa bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lý Quốc B đối với quyền sử dụng đất tại 420, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc Phường B, thành phố T, tỉnh Long An là vô hiệu.

3.2 Bà Nguyễn Thị Thu H1 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh lại hoặc được cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án. Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan tài nguyên môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều

chỉnh biên động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

3.3 Ông Lý Quốc B có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Thu H1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 840189 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 29/6/2011, số vào sổ GCN: CH 00537, đã đăng ký biến động sang tên cho ông Lý Quốc B vào ngày 10/6/2021 đối với quyền sử dụng đất tại 420, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc Phường B, thành phố T, tỉnh Long An để bà Nguyễn Thị Thu Hồng điều C1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

3.4 Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi hoặc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

4. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An về việc “cấm chuyển dịch quyền về tài sản của ông Lý Quốc B đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Phường B, thành phố T, tỉnh Long An để đảm bảo cho việc thi hành án.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Lý Quốc B phải chịu là 4.000.000 đồng. Ông Lý Vĩnh H đã nộp tạm ứng nên bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Lý Quốc B phải nộp 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) để hoàn lại cho ông Lý Vĩnh H. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

6. Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết tại giai đoạn phúc thẩm là 4.211.000 đồng (Bốn triệu hai trăm mười một nghìn đồng): Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Lý Vĩnh H số tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.211.000 đồng (Bốn triệu hai trăm mười một nghìn đồng). Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1 Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 20.700.000 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

7.2 Hoàn trả cho ông Lý Vĩnh H tổng cộng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.900.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng) lần lượt theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001005 ngày 15/10/2021 và số 0001033 ngày 27/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

8. Về phí dân sự phúc thẩm:

8.1 Bà Nguyễn Thị Thu H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000700 ngày 06/09/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

8.2 Buộc ông Lý Quốc B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nộp vào ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000710 ngày 13/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An. Ông Lý Quốc B đã nộp đủ số tiền án phí phúc thẩm.

9. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Cẩm Hồng – Trịnh Thị Phúc

Đinh Tiên Phương